TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: **66/**2022/QĐST-DS	*Đông Anh, ngày 08 tháng 04 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 187/2021/TLST - DS ngày 18 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 31/03/2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Bà ***Nguyễn Thị V*** - sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn Đại B, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Bà ***Nguyễn Thị L*** - sinh năm 1950

Địa chỉ: Số nhà 52 ngõ 25B phố C, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V, bà L: Luật sư Lê Văn K và Luật sư Trần Văn T - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Ánh Sáng Công Lý - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà ***Nguyễn Thị Á*** - sinh năm 1955

Ông ***Nguyễn Xuân L*** - sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn Đại B, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1, Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1993 (con ông L bà Á)

2, Bà Đồng Thị T - sinh năm 1992 (vợ ông H)

3, Cháu Nguyễn Minh Đ - sinh ngày 06/5/2019 (con ông Học, bà Thiện)

Ông H, bà T là đại diện theo pháp luật của cháu Đ

4, Bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1990 (con ông L bà Á)

5, Ông Phạm Hồng T - sinh năm 1981 (chồng bà C)

6, Cháu Phạm Hồng Khánh T - sinh ngày 12/11/2009 (con bà C, ông T)

7, Cháu Phạm Hồng Khánh V - sinh ngày 27/12/2011 (con bà C, ông T)

Bà C, ông T là đại diện theo pháp luật của cháu T, cháu V

8, Ông Phạm Văn H - sinh năm 1945 (bố ông T)

9, Phạm Thị T - sinh năm 1948 (mẹ ông T)

10, Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1980 (con ông L bà Á)

11, Phạm Ngọc A - sinh năm 2002 (con gái bà M)

12, Cháu Nguyễn Tùng A - sinh ngày 04/02/2017 (con trai bà M)

Bà M là đại diện theo pháp luật của cháu A

13, Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1982 (con ông L bà Á)

14, Bà Hà Thị Thanh H - sinh năm 1982 (vợ ông C)

15, Cháu Nguyễn Quang H - sinh ngày 08/6/2010 (con ông Ch bà H)

16, Cháu Nguyễn Huyền T - sinh ngày 08/2/2014 (con ông C bà H)

Bà H, ông C là đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu T

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Đông Anh, Hà Nội.

17, Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1975 (con ông L bà Á)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội.

Ông L, bà Á là đại diện theo ủy quyền của anh H, chị T, chị C, anh T, ông H, bà T, bà M, chị Ngọc A, ông C, bà H, bà L.

II. ***Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau***:

1. Về hàng thừa kế, diện thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị C gồm 03 người là: bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L. Ngoài ra không còn con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

2. Về di sản thừa kế: Các bên thống nhất xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị C để lại chưa chia thừa kế gồm: 789m2 đất ở tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa số AK 762681, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 138/952/QĐ – UB lập ngày 17/11/2008 (Trước khi được chia tách) có địa chỉ tại thôn Đ, xã Ng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và 1353m2 đất nông nghiệp tại các xứ đồng: Khu Cụ Hai, Khu Bãi và Khu Rau xanh có địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1158/QSDĐ/NN NK lập ngày 06/5/2020.

Ngoài ra cụ T, cụ C không còn di sản nào khác chưa chia thừa kế.

3. Về việc phân chia di sản thừa kế trên thực địa - Các bên đương sự thống nhất như sau:

+ Về đất ở:

- Toàn bộ phần diện tích đất ở nằm phía đường đi chung mà gia đình bà Nguyễn Thị Á đã xây nhà ở gồm: Nhà ở của chị Nguyễn Thị M có diện tích là 109,5m2, nhà ở của chị Nguyễn Thị C có diện tích 90,5m2, nhà ở của anh

Nguyễn Văn H có diện tích 95,3m2, nhà ở của anh Nguyễn Văn C có diện tích 150,83 m2 (có sơ đồ kèm theo), thì bà Nguyễn Thị Á được hưởng.

- Phần diện tích còn lại phía sau của thửa đất là 342,77m2 đất ở, chưa xây dựng nằm trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn C được chia cụ thể như sau:

- Cắt diện tích đất làm đường đi chung, chiều dài chạy dọc từ mép nhà chị M đến hết mép nhà anh C, có chiều dài là 21,98m, chiều rộng là 2m. Tổng diện tích làm lối đi chung là 43,7m2 (có sơ đồ kèm theo).

- Phần diện tích đất bà Nguyễn Thị V được hưởng là 120m2 được xác định bởi các điểm 1 - 2 - 7 - 8 (có sơ đồ kèm theo).

- Phần diện tích đất bà Nguyễn Thị L được hưởng 120m2 được xác định bởi các điểm 2 - 3 - 6 - 7 (có sơ đồ kèm theo).

- Phần diện tích đất bà Nguyễn Thị Á (L) hưởng 50,7m2 được xác định bởi các điểm 3 - 4 - 5 - 6 (có sơ đồ kèm theo).

+ **Về đất nông nghiệp**: Diện tích 1353m2 đất nông nghiệp trong đó 993m2 ở xứ đồng khu cụ Hai và 360m2 đất ở xứ đồng khu Rau xanh. Trong đó bà Nguyễn Thị L có 120m2 đất nông nghiệp - tương đương 5 thước. Anh Nguyễn Văn C có tiêu chuẩn đất nông nghiệp 431m2. Các bên thống nhất: Bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị L cùng gộp diện tích đất được chia vào môt thửa và thống nhất như sau:

- Bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị L được hưởng 401m2 và 120m2 (của riêng bà L) đất nông nghiệp tổng cộng là 521m2 ở xứ đồng khu cụ Hai, có vị trí ở phía Đông của thửa đất 993m2, trên đất hiện nay gia đình bà V đang trồng cây Ổi, cây Xoài, được xác định bởi các điểm: 2 - 3 - 4 - 5 (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị Á được hưởng 360m2 đất nông nghiệp ở xứ đồng khu Rau xanh(có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị Á được hưởng 41m2 đất nông nghiệp trong tổng số 472m2 (Trong đó tiêu chuẩn của anh C là 431m2 được chia theo Nghị định 64/NĐ – CP, ở xứ đồng khu cụ Hai được xác định bởi các điểm: 1 - 2 - 5 – 6 (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có quyền tự liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở và đất nông nghiệp được chia theo Quyết định này.

4. Kiến nghị Phòng nguyên và Môi trường huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội điều chỉnh nội dung ghi trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa số BV 442689, số vào sổ cấp GCN: 3245/QĐUBND.2014 – CH 00218.2014 ngày 18 tháng 11 năm 2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa số BV 442690, số vào sổ cấp GCN: 3245/QĐUBND.2014 – CH 00221.2014 ngày 18 tháng 11 năm 2014 cho phù hợp với Quyết định này.

***5.* Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1950, bà Nguyễn Thị Á sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị V sinh năm 1959 là người cao tuổi, thuộc diện được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, Lệ phí Tòa án.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phi Hùng